

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày 16 – 04 – 2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tha

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Loan

2. Bà Bùi Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 362/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Khánh H, sinh năm 1983 – Có mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1982 – Có mặt

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Khánh H trình bày:

Ngày 25/5/2022 bà Lê Thị Thanh N có vay của bà H số tiền là 270.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hạn đến ngày 25/6/2022 trả đủ. Bà N đã nhận đủ số tiền 270.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền, bà N đã trực tiếp viết và ký giấy vay. Từ ngày vay đến nay, bà N đã chuyển khoản trả cho bà H số tiền là 210.000.000 đồng và còn nợ 60.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà H số tiền là 60.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 10%/năm của

số tiền 60.000.000 đồng từ ngày 26/6/2022 (ngày quá hạn) đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Lê Thị Thanh N trình bày:

Ngày 25/05/2022 bà N có vay của bà H số tiền là 270.000.000 đồng, lãi suất 10.000.000 đồng/tháng/270.000.000 đồng, hạn đến ngày 25/6/2022 trả đủ cả gốc và lãi. Bà H đã trừ của bà N 10.000.000 đồng tiền lãi trước, như vậy số tiền thực nhận của bà N là 260.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bà N đã trực tiếp viết và ký giấy vay ngày 25/5/2022.

Quá trình vay bà N đã chuyển khoản trả cho bà H 04 lần với số tiền là 225.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, số tiền gốc bà N còn nợ bà H là 45.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện và N chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Khánh H

Buộc bà Lê Thị Thanh N phải trả cho bà Trần Thị Khánh H1 số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 25/05/2022 bà Lê Thị Thanh N có vay của bà Trần Thị Khánh H1 270.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hạn đến ngày 25/6/2022 trả đủ, bà N đã chuyển khoản trả cho bà H1 210.000.000 đồng và còn nợ 60.000.000 đồng. Nay bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà 60.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho đến khi giải quyết xong vụ án theo quy định pháp luật.

Bà Lê Thị Thanh N cho rằng: Bà có vay của bà H1 số tiền là 270.000.000 đồng, bà H1 đã lấy trước tiền lãi 1 tháng là 10.000.000 đồng, bà chỉ được nhận 260.000.000 đồng và bà đã chuyển khoản trả cho bà H1 04 lần với số tiền là 225.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, bà chỉ còn nợ lại của bà H1 45.000.000 đồng.

Lời khai của bà N không được phía nguyên đơn bà H1 thừa nhận và bà N cũng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc bà H1 lấy tiền lãi trước 10.000.000 đồng cũng như bà trả bằng hình thức chuyển khoản số tiền 225.000.000 đồng cho bà H1. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Xét giấy vay tiền giữa bà Trần Khánh H1 và bà Lê Thị Thanh N hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, việc bà N không trả nợ đầy đủ cho bà H1 khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên bà H1 có quyền yêu cầu bên vay trả số tiền nợ còn lại là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 466 BLDS.

[3]. Về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 26/6/2022) đối với số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 4 Điều 466 BLDS, cụ thể số tiền lãi suất: 60.000.000 đồng x 10%/năm x 660 ngày = 10.850.000 đồng.

Như vậy, bà Lê Thị Thanh N phải trả cho bà Trần Khánh H1 70.850.000 đồng (trong đó nợ gốc 60.000.000 đồng, lãi 10.850.000 đồng).

[4]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 70.850.000 đồng x 5% = 3.542.500 đồng, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Khánh H1.

Buộc bà Lê Thị Thanh N phải trả cho bà Trần Khánh H1 số tiền 70.850.000 đồng (trong đó nợ gốc 60.000.000 đồng, lãi 10.850.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Lê Thị Thanh N phải chịu 3.542.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Trần Khánh H1 được nhận lại 1.737.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 22/11/2023, biên lai số AA/2021/0014761 tại Chi cục thi hành án huyện CưM'gar.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐỖ VĂN THA